

TRƯỜNG TRUNG CẤP BÁCH KHOA SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

MÔN: SINH 12

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm TBM Lần 1		
						HS1	HS2			Thi	TB Môn	KQ1
								4,0		6,0		
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
1	1203360050	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	19/09/2005	01DD13C1	3,0	7,0	5,7		8,7	7,5	Đạt
3	1203360139	Võ Nhật	Hào	24/04/2005	01DD13C1	7,0	10,0	9,0		10,0	9,6	Đạt
4	1203360080	Hoàng Thị	Hằng	09/12/2005	01DD13C1	5,0	10,0	8,3		9,1	8,8	Đạt
5	1203360170	Phạm Thị Thúy	Hằng	14/10/2002	01DS13C1	8,0	10,0	9,3		10,0	9,7	Đạt
6	1203360180	Huỳnh Thị Minh	Hiếu	06/04/1997	01DS13C1	0,0	0,0	0,0	TBKT		0,0	Học lại
7	1203360148	Nguyễn Thị	Hoa	29/08/2005	01YS13C1	7,0	10,0	9,0		9,3	9,2	Đạt
8	1203360086	Mai Xuân	Huy	26/01/2005	01YS13C1	7,0	9,0	8,3		9,3	8,9	Đạt
9	1203360078	Phạm Hoàng	Huy	13/02/2005	01DD13C1	7,0	8,0	7,7		8,4	8,1	Đạt
10	1203360106	Nguyễn Quốc	Huy	24/09/2005	01DD13C1	8,0	10,0	9,3		9,6	9,5	Đạt
11	1203360088	Lê Nguyễn Đức	Huy	04/09/2005	01DS13C1	8,0	9,0	8,7		9,8	9,4	Đạt
12	1203360104	Đỗ Nguyễn Thu	Khanh	08/09/2005	01YS13C1	8,0	9,0	8,7		9,1	8,9	Đạt
13	1203360161	Phan Tấn	Lộc	10/05/2005	01DS13C1	8,0	7,0	7,3		10,0	8,9	Đạt

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm TBM Lần 1		
						HS1	HS2			Thi	TB Môn	KQ1
								6,0				
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
14	1203360020	Lê Quỳnh	Như	24/12/2005	01DD13C1	9,0	10,0	9,7		10,0	9,9	Đạt
15	1203360033	Nguyễn Thị Thùy	Như	01/09/2005	01DD13C1	0,0	0,0	0,0	TBKT		0,0	Học lại
16	1203360100	Nguyễn Quỳnh	Như	01/11/2005	01DD13C1	7,0	5,0	5,7		8,2	7,2	Đạt
17	1203360040	Võ Diệp Thanh	Phong	13/06/2005	01YS13C1	7,0	5,0	5,7		8,0	7,1	Đạt
18	1203360138	Nguyễn Dương	Quốc	03/07/2005	01DS13C1	8,0	10,0	9,3		10,0	9,7	Đạt
19	1203360099	Nguyễn Như	Quỳnh	01/11/2005	01DD13C1	6,0	6,0	6,0		8,4	7,4	Đạt
20	1203360120	Phan Cát	Tiên	02/10/2004	01DS13C1	8,0	9,0	8,7		8,9	8,8	Đạt
21	1203360165	Huỳnh Thanh	Tú	01/11/2003	01YS13C1	8,0	8,0	8,0		9,3	8,8	Đạt
22	1203360023	Phan Thanh	Thảo	10/10/2005	01YS13C1	8,0	9,0	8,7		9,1	8,9	Đạt
23	1203360178	Lê Thanh	Thảo	31/10/2003	01DS13C1	6,0	9,0	8,0		10,0	9,2	Đạt
24	1203360152	Đặng Thị Hoài	Thương	19/10/2005	01DS13C1	8,0	9,0	8,7		9,6	9,2	Đạt
25	1203360047	Nguyễn Thị Thu	Trang	24/10/2005	01DD13C1	7,0	6,0	6,3		10,0	8,5	Đạt
26	1203360091	Nguyễn Huỳnh Bảo	Trân	06/09/2005	01DS13C1	7,0	8,0	7,7		9,1	8,5	Đạt
27	1203360067	Nguyễn Văn Tuấn	Trường	05/03/2005	01DS13C1	0,0	0,0	0,0	TBKT		0,0	Học lại

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm TBM Lần 1			
					HS1	HS2			Thi	TB Môn	KQ1	
							4,0		6,0			
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
28	1203360151	Trần Duy	Vũ	18/03/2005	01DD13C1	5,0	8,0	7,0		10,0	8,8	Đạt
29	1203360092	Nguyễn Thị Tường	Vy	26/09/2005	01DD13C1	5,0	7,0	6,3		8,4	7,6	Đạt
30	1203360093	Nguyễn Thị Phương	Vy	02/07/2005	01DD13C1	7,0	7,0	7,0		9,1	8,3	Đạt
31	1203360041	Phan Thị Xuân	Yến	03/06/2005	01DD13C1	5,0	8,0	7,0		7,5	7,3	Đạt
32	1203360147	Nguyễn Hoàng	Yến	19/01/2004	01DD13C1	9,0	8,0	8,3		9,6	9,1	Đạt
33	1193360128	Bùi Thị Trúc	Dện	29/10/2002	01YS12C1	8,0	9,0	8,7		7,1	7,7	Đạt
34	2203360173	Trần Vân	Anh	12/06/2005	02DD13C2	6,0	8,0	7,3		9,0	8,3	Đạt
35	2203360368	Nguyễn Hoàng Vân	Anh	03/09/1993	02DD13C2	6,0	6,0	6,0		9,0	7,8	Đạt
36	1203360026	Đậu Thị	Duyên	24/04/2005	02DD13C1	10,0	8,0	8,7		10,0	9,5	Đạt
37	2203360278	Vũ Thị Bình	Dương	03/04/2002	02DD13C2			0,0	TBKT	0,0	0,0	Học lại
38	2203360323	Phan Thị Ngọc	Điệp	21/04/2002	02DD13C2	10,0	10,0	10,0		9,0	9,4	Đạt
39	2203360041	Trương Thái	Hiền	21/04/1995	02DD13C2	10,0	10,0	10,0		9,0	9,4	Đạt
40	2203360083	Quảng Thị Bích	Hồng	11/10/2005	02DD13C1	6,0	8,0	7,3		8,0	7,7	Đạt
41	2203360167	Nguyễn Ngọc	Linh	03/12/2005	02DD13C2	8,0	6,0	6,7		6,0	6,3	Đạt

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm TBM Lần 1		
						HS1	HS2			Thi	TB Môn	KQ1
								4,0		6,0		
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
42	2203360206	Phùng Lâm Tuyết	Linh	08/09/2005	02DD13C2	7,0	6,0	6,3		7,0	6,7	Đạt
43	2203360247	Nguyễn Trinh Diệu	Linh	06/10/2005	02DD13C2	10,0	6,0	7,3		9,0	8,3	Đạt
44	2203360123	Lê Ngô Thảo	Ly	14/01/2004	02DD13C1	10,0	8,0	8,7		9,0	8,9	Đạt
45	2203360066	Trần Thị Mỹ	Ngân	10/12/2004	02DD13C1	7,0	10,0	9,0		9,0	9,0	Đạt
46	2203360081	Hồ Ngọc Bảo	Ngân	14/10/2005	02DD13C1	6,0	8,0	7,3		8,0	7,7	Đạt
47	2203360273	Phạm Nguyễn Thảo	Ngọc	12/05/2005	02DD13C2	8,0	8,0	8,0		8,0	8,0	Đạt
48	2203360127	Trần Ngọc Hà	Nhi	07/06/2005	02DD13C1	0,0	0,0	0,0	TBKT	0,0	0,0	Học lại
49	2203360201	Hà Kiều	Oanh	31/01/2005	02DD13C2	10,0	8,0	8,7		10,0	9,5	Đạt
50	2203360071	Tiết Thị Ngọc	Quý	13/05/2005	02DD13C2	6,0	8,0	7,3		9,0	8,3	Đạt
51	2203360234	Lý Trần Thảo	Quyên	22/04/2005	02DD13C2	10,0	10,0	10,0		8,0	8,8	Đạt
52	2203360205	Trần Mỹ	Tiên	14/04/2005	02DD13C2	9,0	8,0	8,3		10,0	9,3	Đạt
53	2203360209	Đặng Anh	Tú	15/10/2005	02DD13C2	6,0	9,0	8,0		9,0	8,6	Đạt
54	2203360036	Bùi Thị Huyền	Trang	04/04/2005	02DD13C1	10,0	10,0	10,0		9,0	9,4	Đạt
55	2203360103	Nguyễn Trần Thanh	Trâm	19/08/2004	02DD13C1	10,0	8,0	8,7		8,0	8,3	Đạt

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm TBM Lần 1		
						HS1	HS2			Thi	TB Môn	KQ1
								4,0				
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
56	2203360070	Phạm Thị Huyền	Trân	17/03/2004	02DD13C1	8,0	10,0	9,3		9,0	9,1	Đạt
57	2203360058	Nguyễn Ngọc Tuyết	Trân	13/11/2005	02DD13C2	10,0	10,0	10,0		10,0	10,0	Đạt
58	2203360124	Lê Thị Phương	Trúc	29/12/2005	02DD13C1	10,0	10,0	10,0		9,0	9,4	Đạt
59	2203360223	Nguyễn Thị Thủy	Trúc	12/02/2005	02DD13C2	6,0	8,0	7,3		8,0	7,7	Đạt
60	2203360044	Nguyễn Thanh	Vi	25/04/1999	02DD13C2	10,0	8,0	8,7		9,0	8,9	Đạt
61	1203360027	Trần Ngọc Tường	Vy	20/04/2005	02DD13C1	10,0	8,0	8,7		9,0	8,9	Đạt
62	2203360182	Ngô Ngọc Yến	Vy	16/07/2004	02DD13C2	10,0	8,0	8,7		7,0	7,7	Đạt
63	2203360266	Phạm Thảo	Vy	03/01/2005	02DD13C2	7,0	6,0	6,3		9,0	7,9	Đạt
67	2203360146	Đinh Văn Thành	Đạt	10/08/2005	02DS13C1	10,0	8,0	8,7		8,0	8,3	Đạt
68	2203360030	Trần Mai	Hân	28/12/2005	02DS13C1	10,0	8,0	8,7		10,0	9,5	Đạt
69	2203360079	Đặng Hoàng Bảo	Hân	20/05/2005	02DS13C1	8,0	8,0	8,0		6,0	6,8	Đạt
70	2203360354	Fang Yi	Hong	16/10/1998	02DS13C2	10,0	10,0	10,0		10,0	10,0	Đạt
71	2203360094	Trần Thị Ngọc	Khánh	18/09/2003	02DS13C1	7,0	6,0	6,3		8,0	7,3	Đạt
72	2203360154	Hồ Gia	Liên	23/11/2005	02DS13C2	9,0	6,0	7,0		10,0	8,8	Đạt

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm TBM Lần 1			
					HS1	HS2			Thi	TB Môn	KQ1	
							4,0					6,0
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
73	2203360142	Kiều Thùy	Linh	30/04/2005	02DS13C1	6,0	6,0	6,0		9,0	7,8	Đạt
74	2203360191	Lê Thị Ngọc	Linh	09/08/2005	02DS13C2	10,0	6,0	7,3		8,0	7,7	Đạt
75	2203360210	Phạm Nguyễn Khánh	Linh	12/06/2005	02DS13C2	10,0	10,0	10,0		9,0	9,4	Đạt
76	2203360320	Nguyễn Thị Kim	Ngân	01/01/2003	02DS13C2	5,0	7,0	6,3		7,0	6,7	Đạt
77	2203360087	Đặng Yến	Nhi	18/09/2005	02DS13C1	9,0	7,0	7,7		8,0	7,9	Đạt
78	1203360171	Nguyễn Hoàng Yến	Nhi	19/12/2004	02DS13C2	10,0	8,0	8,7		8,0	8,3	Đạt
79	2203360337	Lâm Tuyết	Nhung	26/10/2005	02DS13C2	6,0	7,0	6,7		7,0	6,9	Đạt
80	2203360050	Nguyễn Mỹ	Tâm	28/12/2002	02DS13C1	10,0	6,0	7,3		9,0	8,3	Đạt
82	2203360130	Trần Đình	Thanh	29/10/2005	02DS13C1	8,0	7,0	7,3		6,0	6,5	Đạt
83	2203360165	Lê Thanh	Thúy	19/04/2005	02DS13C2	10,0	6,0	7,3		9,0	8,3	Đạt
84	2203360265	Trần Võ Hà	Trang	25/02/2005	02DS13C2	10,0	9,0	9,3		8,5	8,8	Đạt
85	2203360233	Văn Nguyễn Ngọc	Trân	20/10/2005	02DS13C2	6,0	9,0	8,0		8,0	8,0	Đạt
86	2203360228	Nguyễn Trần Phương	Trinh	12/11/2005	02DS13C2	6,0	6,0	6,0		9,0	7,8	Đạt
87	2203360300	Nguyễn Cao Vân	Trinh	13/11/2005	02DS13C2	6,0	8,0	7,3		8,0	7,7	Đạt

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm TBM Lần 1			
					HS1	HS2			Thi	TB Môn	KQ1	
							4,0					6,0
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
88	2203360115	Trần Võ Hạnh	Vân	23/10/2005	02DS13C1	6,0	8,0	7,3		10,0	8,9	Đạt
89	2203360144	Trần Quế Hà	Vy	11/04/2005	02DS13C1	6,0	10,0	8,7		5,0	6,5	Đạt
90	1203360045	Nguyễn Thị Như	Ý	05/02/2005	02DS13C1	7,0	8,0	7,7		10,0	9,1	Đạt
91	2203360174	Lê Nhật	Anh	12/09/2003	02YS13C1			0,0	TBKT		0,0	Học lại
92	2203360219	Trương Gia	Hân	12/09/2005	02YS13C1	10,0	10,0	10,0		10,0	10,0	Đạt
93	2203360042	Nguyễn Phú Quốc	Hùng	10/05/2004	02YS13C1	10,0	10,0	10,0		9,0	9,4	Đạt
94	2203360161	Lê My	Linda	16/06/2003	02YS13C1			0,0	TBKT		0,0	Học lại
95	2203360296	Lê Ngọc	Mai	28/02/2005	02YS13C1	6,0	8,0	7,3		8,0	7,7	Đạt
96	2203360076	Đỗ Ngọc Diễm	My	28/10/2005	02YS13C1	7,0	7,0	7,0		7,0	7,0	Đạt
97	2203360172	Nguyễn Trương Thảo	Ngọc	02/02/2005	02YS13C1	10,0	8,0	8,7		7,0	7,7	Đạt
99	2203360331	Nguyễn Thị Ngọc	Phương	28/06/2001	02YS13C2			0,0	TBKT		0,0	Học lại
100	2203360060	Phạm Ngọc Thủy	Tiên	30/06/2005	02YS13C2	10,0	8,0	8,7		6,0	7,1	Đạt
101	2203360051	Trần Thị Thanh	Thảo	24/10/2005	02YS13C2	10,0	8,0	8,7		6,0	7,1	Đạt
102	2203360160	Nguyễn Anh	Thư	05/10/2004	02YS13C1	5,0	8,0	7,0		8,0	7,6	Đạt

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm TBM Lần 1			
					HS1	HS2			Thi	TB Môn	KQ1	
							4,0		6,0			
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
103	2203360225	Phan Thảo Vy	19/06/2004	02YS13C1	10,0	8,0	8,7			8,0	8,3	Đạt
104	2203360264	Huỳnh Như Ý	18/09/2004	02YS13C1	10,0	10,0	10,0			9,0	9,4	Đạt
105	2203360230	Trần Thị Minh Trâm	08/02/2005	02DD13C2	6,0	7,0	6,7			8,0	7,5	Đạt